

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN KIẾN AN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2017/DS-ST

Ngày 01/8/2017

”V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đăng Tr.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn H

2. Ông Vũ Văn L

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị T – Thư ký Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh H - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 06/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 331/2017/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 398/2017/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần K V (gọi tắt là Ngân hàng K), địa chỉ số 191 Tr, H, quận TR, N. Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lan H và Ông Nguyễn Quang Th đều là cán bộ xử lý nợ; cùng địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà T, số 191 Tr, quận Tr, N, có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; cùng địa chỉ: tổ 34 cụm 6, phường S, quận K, H, đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 3 năm 2017, các bản khai tại Tòa án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày: Ngân hàng K và vợ chồng ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị H đã ký các hợp đồng tín dụng như sau:

Ngày 19/01/2015, Ngân hàng K và bà Nguyễn Thị H đã ký Hợp đồng cung cấp hạn mức thấu chi tài khoản số LHP20150019/HĐHMTCF1, cho bà H số tiền 200.000.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho bà H số tiền 199.700.000 đồng tại Giấy lĩnh tiền ngày 21/01/2015 và 300.000 đồng phí duy trì tài khoản. Mục đích vay tiêu dùng, thời hạn sử dụng hạn mức thấu chi 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay là lãi suất vay trong hạn áp dụng cho dư nợ thấu chi lãi suất thả nổi như sau: a) lãi suất vay áp dụng trong thời gian 01 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này là 13,99%/năm; b) lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của khách hàng cho thời điểm tiếp theo, được điều chỉnh định kỳ 01 tháng một lần vào các ngày 15 hằng tháng và bằng lãi suất cơ sở vay ứng trước tài khoản có tài sản đảm bảo, cộng biên độ 7,77%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được Ngân hàng K quy định theo từng thời kỳ, tương ứng thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Ngày 19/01/2015 Ngân hàng Kỹ thương và ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị H ký hợp đồng tín dụng số LHP20150021/HĐTD cho ông T, bà H vay số tiền 400.000.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho ông T, bà H tại Khế ước nhận nợ số LHP2015002101 ngày 20/01/2015; số tiền 400.000.000 đồng, mục đích: hộ kinh doanh vay món, thời hạn 84 tháng, lãi suất thả nổi như sau: a) lãi suất vay áp dụng trong thời gian 01 tháng kể từ ngày nhận nợ là 11,72%/năm; b) lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của khách hàng cho thời điểm tiếp theo được điều chỉnh định kỳ một tháng một lần vào các ngày 15 hằng tháng và bằng lãi suất cơ sở vay món dài hạn cộng biên độ 4,09%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được Ngân hàng Kỹ thương quy định theo từng thời kỳ, tương ứng.

Để bảo đảm cho các nghĩa vụ tín dụng nêu trên ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị H đã thế chấp tài sản là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 317-04, tờ bản đồ số Na.S-303591-5-(b), diện tích 426m², tại địa chỉ tổ 34 cụm 6 (nay là tổ Kh 6), phường N, quận K, H, đã được UBND quận K, H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 315855, vào sổ cấp giấy số CH00175/Na.S ngày 13/11/2012 cho ông Lê Văn T. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/01/2015 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Kiến An.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, đến ngày 20/10/2016 ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị H đã trả được 71.011.360 đồng. Trong đó: tiền gốc của hợp đồng tín dụng số LHP20150021/HĐTD ngày 19/01/2015 là: 38.096.000 đồng; tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 32.915.360 đồng. Đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức thấu chi tài khoản số LHP20150019/HĐHMTCF1 ngày 19/01/2015 bà H chưa trả được tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng, dẫn đến vi phạm hợp đồng, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn. Tính đến ngày 12/7/2017 ông T, bà H còn nợ Ngân hàng K như sau:

- Tiền nợ gốc của Hợp đồng hạn mức thấu chi tài khoản số LHP20150019/HĐHMTCF1 ngày 19/01/2015 là: 206.714.025 đồng; tiền lãi quá hạn từ ngày 20/01/2016 đến ngày 12/7/2017 là: 66.247.794 đồng; cộng cả gốc và lãi là: 272.961.819 đồng.

- Tiền gốc của Hợp đồng tín dụng số LHP20150021/HĐTD ngày 19/01/2015 là: 361.904.000đ; tiền lãi trong hạn là: 67.749.227 đồng; tiền lãi quá hạn từ ngày 20/10/

2015 đến ngày 12/7/2017 là: 27.365.529 đồng; cộng cả gốc và lãi là: 457.018.756 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi của hai hợp đồng tín dụng là: 729.980.575 đồng

- Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng với số tiền 45.489.442 đồng (trong đó: 16.537.122 đồng của Hợp đồng hạn mức thấu chi và 28.952.320 đồng của Hợp đồng tín dụng) và thay đổi yêu cầu đối với số tiền gốc của Hợp đồng hạn mức thấu chi tài khoản là 200.000.000 đồng.

Nay Ngân hàng Kỹ thương yêu cầu ông T, bà H phải trả số tiền như sau:

- Tiền nợ gốc của Hợp đồng hạn mức thấu chi tài khoản số LHP20150019/HĐHMTCF1 ngày 19/01/2015 là: 200.000.000 đồng; tiền lãi quá hạn từ ngày 20/01/2016 đến ngày 01/8/2017 là: 66.355.497 đồng; cộng cả gốc và lãi là: 266.355.497 đồng.

- Tiền gốc của Hợp đồng tín dụng số LHP20150021/HĐTD ngày 19/01/2015 là: 361.904.000đ; tiền lãi trong hạn là: 69.450.658 đồng; tiền lãi quá hạn từ ngày 20/10/2015 đến ngày 01/8/2017 là: 29.012.927 đồng; cộng cả gốc và lãi là: 460.367.585 đồng.

Tổng số tiền gốc và tiền lãi của hai hợp đồng là: 726.723.082 đồng. Trường hợp ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị H không trả nợ đầy đủ số tiền nêu trên, thì yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Toà án đã triệu tập bị đơn, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông T và bà H đều vắng mặt cho nên không có lời khai.

Như vậy, về các hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp tài sản là những vấn đề không phải chứng minh. Vấn đề còn phải chứng minh là số tiền gốc, tiền lãi của hai hợp đồng tín dụng và phương án trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng phát biểu: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán còn một số thiếu sót về xác minh, thu thập chứng cứ, về giao nhận tài liệu chứng cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị H phải trả Ngân hàng Kỹ thương số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm của cả hai hợp đồng là: 726.723.082 đồng. Ông T, bà H tiếp tục trả các khoản nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận tại 02 Hợp đồng đã ký kể từ sau ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông T, bà H không trả được nợ cho Ngân hàng thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Ông T. Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

1- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Do nguyên đơn và bị đơn ký kết 02 hợp đồng tín dụng; trong đó: Một hợp đồng vay vì mục đích kinh doanh, 01 hợp đồng

vay vì mục đích để tiêu dùng, do đó Tòa án thụ lý là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2- Về tố tụng: Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai, nhưng bị đơn đều vắng mặt, cho nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T, bà H và công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ.

3- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng K và bà Nguyễn Thị H có ký Hợp đồng hạn mức thấu chi tài khoản số LHP20150019/HĐHMTCF1 ngày 19/01/2015, giá trị Hạn mức thấu chi cho bà H vay số tiền 200.000.000 đồng (Trong hợp đồng có chữ ký của ông T). Ngoài ra, Ngân hàng K và ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị H còn ký hợp đồng tín dụng số LHP20150021/HĐTD, ngày 19/01/2015 cho ông T, bà H vay số tiền 400.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng được ký kết bởi người có thẩm quyền, nội dung và hình thức đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội. Các bên đương sự ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay cưỡng ép. Do đó hợp đồng phát sinh hiệu lực, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, đến ngày 20/10/2016 ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị H đã trả được 71.011.360 đồng. Trong đó: tiền gốc của hợp đồng tín dụng số LHP20150021/HĐTD ngày 19/01/2015 là: 38.096.000 đồng; tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 32.915.360 đồng. Đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức thấu chi tài khoản số LHP20150019/HĐHMTCF1 ngày 19/01/2015 bà Học chưa trả được tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng, dẫn đến vi phạm hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng ông Tâm, bà Học không có khả năng trả nợ.

Nay Ngân hàng Kỹ Thương khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông T, bà H phải trả Ngân hàng với tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử là:

- Tiền nợ gốc của Hợp đồng hạn mức thấu chi tài khoản số LHP20150019/HĐHMTCF1 ngày 19/01/2015 là: 200.000.000 đồng; tiền lãi quá hạn từ ngày 20/01/2016 đến ngày 01/8/2017 là: 66.355.497 đồng; cộng cả gốc và lãi là: 266.355.497 đồng.

- Tiền gốc của Hợp đồng tín dụng số LHP20150021/HĐTD ngày 19/01/2015 là: 361.904.000đ; tiền lãi trong hạn là: 69.450.658 đồng; tiền lãi quá hạn từ ngày 20/10/2015 đến ngày 01/8/2017 là: 29.012.927 đồng; cộng cả gốc và lãi là: 460.367.585 đồng.

Tổng số tiền gốc và tiền lãi của hai hợp đồng là: 726.723.082 đồng và tiếp tục phải trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết tiền nợ gốc. Yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 280, 281, 290, 471, 474 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015, nên cần được chấp nhận.

Về việc Ngân hàng yêu cầu trong trường hợp bị đơn không trả được khoản nợ

nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Xét thấy, tại các Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định cho đến ngày xét xử sơ thẩm các tài sản thế chấp thể hiện theo hợp đồng không có sự thay đổi, chuyển dịch. Tài sản thế chấp hiện nay vẫn do bên thế chấp tài sản quản lý. Trong trường hợp tài sản thế chấp có biến động thì các đương sự cũng đã có thỏa thuận về các trường hợp thuộc tài sản bảo đảm bổ sung. Các hợp đồng thế chấp tài sản đều được ký kết tự nguyện, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Điều 9; Điều 12 chương II Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định "Về giao dịch bảo đảm" đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký kết. Do đó khi bị đơn không trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp đã ký là đúng quy định tại các Điều 342, 348, 349, 350, 351, 355, 471, 474, 715, 716, 717, 719, 720 và Điều 721 của Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015, nên yêu cầu này của nguyên đơn được chấp nhận.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K, buộc ông T, bà H phải trả nợ cho Ngân hàng K, tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền là: 726.723.082 đồng và tiếp tục phải trả lãi theo thỏa thuận trong 02 Hợp đồng cho đến khi trả hết tiền nợ gốc. Trong trường hợp ông T, bà H không trả nợ thì Ngân hàng K có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 317-04, tờ bản đồ số Na.S-303591-5-(b), diện tích 426m², tại tổ 34 cụm 6 (nay là tổ Kha Lâm 6), P.Nam Sơn, Q.Kiến An, TP.Hải Phòng, đã được UBND Q.Kiến An, Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 315855, vào sổ số CH00175/Na.S ngày 13/11/2012 cho ông Lê Văn T.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xin rút yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng số tiền là 45.489.442 đồng và thay đổi yêu cầu đối với số tiền gốc của Hợp đồng hạn mức thấu chi tài khoản là 200.000.000 đồng. Xét thấy việc rút và thay đổi yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả tiền phạt và chấp nhận tiền gốc của hợp đồng Hạn mức thấu chi là 200.000.000 đồng của nguyên đơn; nếu sau này nguyên đơn khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Nguyên đơn không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí kinh doanh thương mại.

- Về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Thẩm phán sẽ rút kinh nghiệm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 244; Điều 266, Điều 273 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 281, 290, 342, 343, 471, 474, 715, 720, 721 của Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 12, 51, 54, 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn về việc phạt vi phạm hợp đồng với số tiền 45.489.442 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K. Buộc ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền là:

- Số tiền của Hợp đồng tín dụng số LHP20150021/HĐTD ngày 19/01/2015 là: 460.367.585 đồng (*Bốn trăm sáu mươi triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi lăm đồng*). Trong đó tiền gốc là 361.904.000đ; tiền lãi là: 98.463.585 đồng.

- Số tiền của Hợp đồng cung cấp hạn mức thấu chi tài khoản số LHP20150019/HĐHMTCF1 ngày 19/01/2015 là: 266.355.497 đồng (*Hai trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm chín mươi bảy đồng*). Trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng; tiền lãi là: 66.355.497 đồng.

Tổng cộng cả hai hợp đồng là: 726.723.082 đồng (*Bảy trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn không trăm tám mươi hai đồng*). Trong trường hợp ông T, bà H không trả nợ thì Ngân hàng K có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 317-04, tờ bản đồ số Na.S-303591-5-(b), diện tích 426m², tại địa chỉ tổ 34 cụm 6 (nay là tổ Kha Lâm 6), phường N, quận K, H, đã được UBND quận K, H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 315855, vào sổ cấp giấy số CH00175/Na.S ngày 13/11/2012 cho ông Lê Văn T.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông T, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Kỹ thương thì lãi suất mà ông T,

bà H phải tiếp tục thành toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

3. Về án phí: Ngân hàng Thương mại cổ phần K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu ký hiệu AA/2014 số 0003318 ngày 28/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K

Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị H phải chịu 13.318.000đ (*Mười ba triệu ba trăm mười tám nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 22.415.000đ (*Hai mươi hai triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các Đương sự;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THA Dân sự Kiến An;
- TAND TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Đăng Tr

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Tâm

Vũ Văn Lầy

Cao Đặng Trình

